

Số: /BC-BDT

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác dân tộc và chương trình chính sách dân tộc giai đoạn 2021 – 2023 giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2023 - 2025
(Phục vụ đánh giá giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khóa XX, nhiệm kỳ 2020-2025)

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 2346/UBND-KTTH ngày 25/5/2023 và Công văn số 970/SKHĐT-KGVX ngày 26/5/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khóa XX, nhiệm kỳ 2020-2025; Ban Dân tộc tỉnh báo cáo kết quả thực hiện công tác dân tộc và chương trình chính sách dân tộc giai đoạn 2021 – 2023 giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2023 - 2025 như sau:

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN TỘC VÀ CHƯƠNG TRÌNH, CHÍNH SÁCH DÂN TỘC GIAI ĐOẠN 2021-2023

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO CỦA TỈNH ỦY, HĐND, UBND TỈNH ĐỐI VỚI CÔNG TÁC DÂN TỘC VÀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC

Công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc luôn được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và các cấp, các ngành. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XX đã xác định đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững ở các huyện miền núi là một trong bốn nhiệm vụ trọng tâm của nhiệm kỳ 2020-2025; Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 18/8/2021 về tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế-xã hội, giảm nghèo bền vững ở các huyện miền núi; Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 04/4/2022 về công tác dân tộc; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 06/5/2022 thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 18/8/2021 của Tỉnh ủy; trên cơ sở các Nghị quyết, Quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và của Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã ban hành nhiều kế hoạch để tổ chức triển khai thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc như: Kế hoạch số 104/KH-UBND ngày 28/6/2022 về việc triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 06/5/2022 thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 17/8/2021

của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 4 khóa XX về tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững ở các huyện miền núi; nhất là lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội về việc Phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 -2030, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 -2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (*sau đây gọi tắt là Chương trình*) trên địa bàn tỉnh.

Ban Dân tộc tỉnh đã chủ động triển khai thực hiện các văn bản của Ủy ban Dân tộc về công tác dân tộc như: Thông tư số 05/2022/TT-UBDT ngày 30/12/2022 của UBDT về việc Quy định Hệ thống chỉ tiêu thống kê công tác dân tộc, Thông tư số 06/2022/TT-UBDT về quy định chế độ báo cáo công tác dân tộc; triển khai, hướng dẫn các đại phương thực hiện các chính sách dân tộc như: chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào DTTS,

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, CHÍNH SÁCH DÂN TỘC GIAI ĐOẠN 2021 - 2023

1. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025:

a) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện Chương trình

- Về thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình: UBND tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 – 2025 (*Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 18/02/2022 của UBND tỉnh*); ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025; giao Ban Dân tộc tỉnh là cơ quan thường trực, chủ trì tham mưu giúp việc Ban Chỉ đạo về quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Về ban hành các quy định thực hiện Chương trình: Đến nay, hầu hết các cơ chế, chính sách, quy định triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã được ban hành.

- Về giao nhiệm vụ chủ trì, phối hợp thực hiện Chương trình: Tại Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 đã giao nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ban ngành và Hội đoàn thể tỉnh chủ trì, hướng dẫn, tổ chức thực hiện triển khai thực hiện các Dự án, Tiêu dự án, Nội dung thành phần của Chương trình đảm bảo hiệu quả, tránh chồng chéo; UBND các huyện triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện và tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện cho Cơ quan Thường trực Chương trình và các cơ quan chủ trì Dự án, Tiêu dự án, Nội dung thành phần cấp tỉnh. Ngoài ra, hiện nay Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tham mưu UBND tỉnh ban hành Quy định về phân cấp quản lý, tổ chức

thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh với định hướng là đẩy mạnh việc phân cấp cho cấp huyện, xã quản lý, thực hiện.

- Về ban hành khung pháp lý quản lý, điều hành và văn bản hướng dẫn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia: Đến nay, hầu hết các cơ chế, chính sách, quy định triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã được ban hành. Ngoài ra, UBND tỉnh cũng đã ban hành rất nhiều văn bản chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Chương trình cũng như báo cáo, đề xuất Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ ngành Trung ương hướng dẫn, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền giải quyết của Trung ương.

b) Công tác truyền thông, thông tin về Chương trình.

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch về việc truyền thông thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 – 2025 (tại Kế hoạch số 150/KH-UBND ngày 22/9/2022), Ban Dân tộc tỉnh, UBND các huyện đã chủ động, phối hợp triển khai công tác tuyên truyền thường xuyên, rộng khắp bằng nhiều hình thức trực quan như pa nô, phóng sự trên đài truyền hình, trang tin trên Báo Quảng Ngãi, tuyên truyền trên các Hội nghị...; nhất là Hội nghị thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN; Hội thảo chia sẻ kinh nghiệm tổ chức thực hiện Chương trình và Chương trình chấp cánh ước mơ khởi nghiệp vùng đồng bào DTTS&MN được tổ chức giữa tháng 4/2023 đã có sức lan tỏa, gây ấn tượng mạnh mẽ đối với các tỉnh, các doanh nghiệp tham dự; ngoài ra, các sở, ngành theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan mình, cũng tổ chức các hoạt động tuyên truyền về Chương trình trên địa bàn các huyện. Đa đa số người dân được tiếp cận, hiểu biết thông tin và đồng thuận cao trong việc tham gia thực hiện Chương trình, góp phần vào thành công chung của Chương trình trên địa bàn tỉnh.

c) Công tác theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 143/KH-UBND ngày 12/9/2022 về việc kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 21/10/2022 của UBND tỉnh về theo dõi, kiểm tra thực hiện Chương trình năm 2022 trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở đó, UBND các huyện thực hiện Chương trình và các sở, ngành được giao chủ trì các Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thành phần đã ban hành Kế hoạch kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình phù hợp với cơ quan, đơn vị, địa phương. Trong năm 2022, Ban Dân tộc tỉnh đã chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành của tỉnh, tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát trên địa bàn một số huyện và xã trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch của UBND tỉnh. Ngoài ra các Sở, ngành được giao nhiệm vụ chủ trì các Dự án, Tiểu Dự án, Nội dung thành phần cũng đã tổ chức kiểm tra, giám sát theo nhiệm vụ được giao. Ban Dân tộc tỉnh tổ chức 03 lớp tập huấn nâng cao năng lực giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình cho công chức tham

mu, theo dõi, kiểm tra, đánh giá Chương trình của các sở, ban ngành tỉnh và các phòng chuyên môn của huyện, công chức cấp xã thực hiện Chương trình.

d) Về bố trí nguồn lực thực hiện Chương trình

- Về giao vốn giai đoạn 2021 –2025: Tổng kế hoạch vốn giao là 1.216.317 triệu đồng (*trong đó ngân sách Trung ương là 1.105.696 triệu đồng và ngân sách tỉnh là 110.621 triệu đồng*); riêng nguồn vốn sự nghiệp hiện nay chưa được Trung ương thông báo giai đoạn 2021 –2025.

- Về giao vốn năm 2022 và 2023: Tổng vốn ngân sách nhà nước đã giao là 1.070.032 triệu đồng, gồm: vốn đầu tư phát triển là 542.086 triệu đồng (*ngân sách Trung ương là 500.832 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 41.254 triệu đồng*); vốn sự nghiệp là 527.946 triệu đồng (*ngân sách Trung ương là 473.950 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 53.996 triệu đồng*). Ngoài ra, cũng đã bố trí vốn vay tín dụng chính sách là 24.100 triệu đồng.

- Về kết quả giải ngân vốn đến ngày 20/5/2023: Tổng vốn ngân sách nhà nước đã giao là 234.297 triệu đồng, gồm: vốn đầu tư phát triển là 195.123 triệu đồng; vốn sự nghiệp là 39.174 triệu đồng. Thực hiện cho vay tín dụng chính sách là 11.113 triệu đồng.

d) Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình:

- Kết quả thực hiện các mục tiêu: (i) Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm 5,37%; (ii) Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông đạt 100%; (iii) Tỷ lệ thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa đạt 75%; (iv) Tỷ lệ trường, lớp học và trạm y tế được xây dựng kiên cố 100%; (v) Tỷ lệ số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp đạt 99%; (vi) Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 78,3%; (vii) Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình và nghe đài phát thanh đạt 98%; (viii) Mục tiêu về giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho đồng bào đạt 30% số hộ được hỗ trợ; (ix) Tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi đến trường đạt 99,5%, học sinh trong độ tuổi học tiểu học đến trường đạt 98,9%, học trung học cơ sở đến trường đạt 98,7%, học trung học phổ thông đến trường đạt 59%; tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông đạt 86%; (x) Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế đạt 93%, tỷ lệ phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế đạt 92%; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân đạt 21,7%; (xi) Tỷ lệ lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu đạt 35%; Tỷ lệ thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng đạt 97%; (xii) số cán bộ, công chức, viên chức các cấp được bồi dưỡng kiến thức về chính sách dân tộc, công tác dân tộc 393 người.

- Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu: (i) Nhựa hóa, bê tông hóa hoặc cứng hóa 50km đường nông thôn, số hộ được giải quyết nước sinh hoạt là 7.383 hộ, số công trình nước sinh hoạt tập trung là 43 công trình, số trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú, cơ sở dự bị đại học, trường trung học phổ

thông dân tộc nội trú được tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học là 18 trường; (ii) Số hộ được giải quyết đất ở là 251 hộ, nhà ở là 631 hộ, đất sản xuất là 297 hộ, sinh kế, chuyển đổi nghề là 925 hộ; (iii) Số hộ được hỗ trợ sắp xếp ổn định dân di cư tự do, bố trí định canh, định cư, bố trí sắp xếp ổn định dân cư vùng biên giới, vùng đặc biệt khó khăn và khu vực cần thiết khác: hiện nay, chưa thực hiện sắp xếp ổn định dân cư do đang triển khai thực hiện các dự án ĐCĐC; (iv) Số thiết chế văn hoá, thể thao thôn được đầu tư là 05 công trình; số điểm du lịch tiêu biểu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được xây dựng là 02 công trình; (v) Số cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng kiến thức dân tộc là 393 người.

2. Chính sách đối người có uy tín trong đồng bào DTTS:

Trong 02 năm 2021 và 2022; tổng kinh phí được giao 6.763 triệu đồng từ nguồn ngân sách tỉnh; thực hiện 5.228 triệu đồng, đạt 77,3%; các nội dung thực hiện như sau:

- Ban Dân tộc tổ chức cấp phát 52.738 tờ báo Dân tộc và Phát triển, 160.344 tờ báo Quảng Ngãi cho 612 lượt người có uy tín; cấp 333 đài radio cho 333 lượt người có uy tín; Tổ chức 02 đoàn tham quan, học tập kinh nghiệm ngoài tỉnh cho 84 người có uy tín; tiếp đón 17 đoàn đại biểu người có uy tín trong và ngoài tỉnh đến thăm và làm việc; thăm, viếng 53 trường hợp người có uy tín ốm đau, gia đình gặp khó khăn, người có uy tín hoặc người thân qua đời; tham mưu UBND tỉnh tổ chức Hội nghị Tổng kết 05 năm thực hiện chính sách người có uy tín, theo đó tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho 39 người có uy tín.

- Các huyện tổ chức 24 lớp phổ biến, tuyên truyền, có 1.344 lượt người có uy tín tham gia; 22 lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, có 1.206 lượt người có uy tín tham gia; tổ chức 09 đoàn đại biểu người có uy tín tham quan, học tập kinh nghiệm trong tỉnh, có 543 lượt người có uy tín tham gia; thăm hỏi, tặng quà cho 641 lượt người có uy tín nhân ngày Tết Nguyên đán, Tết của đồng bào DTTS; tiếp đón 08 đoàn đại biểu người có uy tín trong và ngoài tỉnh đến thăm và làm việc; thăm, viếng 107 trường hợp người có uy tín ốm đau, gia đình người có uy tín gặp khó khăn, người có uy tín hoặc người thân qua đời; tổ chức 09 Hội nghị sơ kết hàng năm, theo đó tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện cho 151 người có uy tín.

3. Đề án Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2018 – 2025:

Ban Dân tộc đã phối hợp với Học viện Dân tộc (thuộc Ủy ban Dân tộc) tổ chức 03 lớp Bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho cán bộ, công chức nhóm đối tượng 3 là cán bộ Trưởng, phó Phòng và tương đương; Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND các xã, thị trấn của các huyện miền núi; tổng số học viên tham dự là 143/173 học viên, đạt 82,7% so kế hoạch. Kinh phí được giao là 180 triệu đồng; kinh phí được sử dụng 162 triệu đồng, đã thực hiện là 160,5 triệu đồng, đạt 99,1% so với kế hoạch.

4. Đề án Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Ngãi:

Ban Dân tộc đã phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức 05 Hội nghị hội nghị phổ biến, tuyên truyền giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản vị thành niên; những tác hại của tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống tại một số trường THCS đóng trên địa bàn các huyện miền núi; ban hành Kế hoạch phối hợp với huyện Sơn Hà và huyện Ba Tơ tổ chức Hội thi tuyên truyền giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống tại Trường THPT trên địa bàn huyện Sơn Hà và Ba Tơ.

5. Chương trình truyền thông bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số

Ban Dân tộc phối hợp với UBND các huyện tổ chức 06 lớp tập huấn về Chương trình truyền thông về Bình đẳng giới cho 05 huyện Sơn Hà, Ba Tơ, Minh Long, Sơn Tây, Trà Bồng (02 lớp).

6. Đề án hỗ trợ thông tin, tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo giai đoạn 2019-2021 theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 21/02/2019: Ban Dân tộc tỉnh đã phối hợp với Trung tâm công nghệ thông tin thuộc Sở Thông tin và Truyền thông triển khai đưa vào sử dụng phần mềm cơ sở dữ liệu về công tác dân tộc năm 2022.

7. Chính sách cấp không thu tiền một số mặt hàng thiết yếu cho đồng bào dân tộc thiểu số trong dịp Tết Nguyên đán giai đoạn 2021- 2023.

- Trong giai đoạn 2021- 2023: được sự quan tâm của Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh đối với công tác an sinh xã hội, góp phần động viên, chăm lo chính sách cho đồng bào DTTS và miền núi nhân dịp Tết cổ truyền dân tộc, Ban Dân tộc tỉnh đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 951/QĐ-UBND ngày 09/11/2018 về việc phê duyệt Đề án cấp không thu tiền một số mặt hàng thiết yếu cho đồng bào DTTS ở vùng miền núi tỉnh Quảng Ngãi nhân dịp Tết Nguyên đán, giai đoạn 2019- 2025; Đồng thời hàng năm bố trí kinh phí để thực hiện chính sách cấp không thu tiền các mặt hàng thiết yếu cho đồng bào dân tộc thiểu số nhân dịp Tết Nguyên đán như sau:

Năm 2021: UBND tỉnh ban hành Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 08/01/2021 về việc bố trí kinh phí thực hiện cấp không thu tiền một số mặt hàng thiết yếu cho đồng bào dân tộc thiểu số nhân dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu - năm 2021, tổng kinh phí được bố trí là 9.498.060.000 đồng cho 05 huyện miền núi (Sơn Hà, Sơn Tây, Ba Tơ, Minh Long, Trà Bồng) và các huyện Bình Sơn, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành và Mộ Đức, với tổng số hộ: 52.767 hộ /199.817 khẩu. Tổng kinh phí thực hiện 9.492.236.000 đồng, số lượng là 52.767 hộ /199.817 khẩu.

Năm 2022: UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1337/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 về việc bố trí kinh phí thực hiện cấp không thu tiền một số mặt hàng thiết yếu cho đồng bào dân tộc thiểu số nhân dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần - năm 2022, tổng kinh phí được bố trí là 9.727.000.000 đồng cho 05

huyện miền núi (Sơn Hà, Sơn Tây, Ba Tơ, Minh Long, Trà Bồng) và các huyện Bình Sơn, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành và Mộ Đức, với tổng số hộ: 53.561 hộ /203.191 khẩu. Tổng kinh phí thực hiện 9.716.629.752 đồng, số lượng là 54.038 hộ /205.102 khẩu.

Năm 2023: Ngày 12/12/2022, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1420/QĐ-UBND về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2023; giao kinh phí thực hiện chính sách cấp không thu tiền các mặt hàng thiết yếu cho đồng bào dân tộc thiểu số nhân dịp Tết Nguyên đán Quý Mão - năm 2023, tổng kinh phí được bố trí là 9.727.000.000 đồng với tổng số hộ thụ hưởng là 54.038 hộ /205.102 khẩu. Tổng kinh phí đã thực hiện là: 9.716.629.752 đồng/9.727.000.000 đồng (đạt 99,89%).

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CHUNG ĐẠT ĐƯỢC VÀ NHỮNG KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN.

1. Đánh giá chung về những kết quả đạt được

- Công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh luôn được Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh và các cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, phổ biến chính sách pháp luật của Nhà nước và các văn bản liên quan đến quyền, nghĩa vụ và lợi ích chính đáng của đồng bào các dân tộc trên địa bàn tỉnh. Các hộ dân tộc thiểu số thuộc đối tượng người có công, bảo trợ xã hội, hộ nghèo đều được thụ hưởng đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định hiện hành của Nhà nước. Trong năm 2022, tỷ lệ hộ nghèo vùng ĐB DTTS và MN giảm 5,37%, từ 35,64% xuống còn 30,27% (đạt mục tiêu đề ra là 4%); tỷ lệ hộ cận nghèo là 13,99%; có 06 xã⁽¹⁾ đạt tiêu chí nông thôn mới, đạt tỷ lệ 8,2%.

- Ban Dân tộc đã tích cực thực hiện đúng, đủ chức năng, nhiệm vụ được phân công (kể cả những nhiệm vụ phát sinh của cấp trên giao); thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, tăng cường phối hợp với các ngành, các cấp, các địa phương nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc khi tổ chức thực hiện các chính sách trên địa bàn tỉnh. Sự phối hợp của các Sở, ngành có liên quan đến đồng bào DTTS được tăng cường, hướng dẫn việc thực hiện các chương trình, chính sách của nhà nước liên quan.

2. Những khó khăn, hạn chế và nguyên nhân.

- Tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào DTTS&MN còn cao, đời sống người dân còn gặp nhiều khó khăn; tình trạng học sinh bỏ học lập gia đình sớm vẫn còn xảy ra; một số vùng đồng bào DTTS vẫn còn tập quán lạc hậu; trình độ dân trí và ý thức tăng gia phát triển sản xuất tại một số hộ gia đình vẫn còn hạn chế.

⁽¹⁾ Các xã: Ba Cung (huyện Ba Tơ), Long Sơn, Thanh An (huyện Minh Long), Sơn Hạ, Sơn Thành (huyện Sơn Hà), Nghĩa Sơn (huyện Tư Nghĩa).

- Công tác giảm nghèo tại các địa phương vùng đồng bào DTTS&MN còn chưa đồng bộ và thiếu tính bền vững; một số địa phương chưa thật sự chủ động nghiên cứu, tìm giải pháp tối ưu để thúc đẩy phát triển về kinh tế - xã hội làm thay đổi cuộc sống của đồng bào dân tộc thiểu số.

- Cơ sở hạ tầng vùng DTTS&MN hư hỏng, xuống cấp và chậm phát triển, chưa theo kịp với nhu cầu phát triển kinh tế trong khi nguồn lực hỗ trợ phát triển sản xuất; đầu tư xây dựng, duy tu, bảo dưỡng còn hạn chế.

- Tiến độ thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi còn chậm, tỷ lệ giải ngân vốn trong năm 2022 rất thấp, chỉ đạt 46,83% kế hoạch vốn giao (*trong đó vốn đầu tư phát triển đạt 55,90% và vốn sự nghiệp đạt 29,71%*). Năm 2023, mới chỉ giải ngân được 4,9% vốn đầu tư phát triển, chưa giải ngân vốn sự nghiệp; nguyên nhân:

+ Nội dung của Chương trình mang quan điểm đầu tư tổng thể, các dự án, tiểu dự án và nội dung của Chương trình rất đa dạng về nội dung, hình thức triển khai; một số nội dung lần đầu tiên thực hiện do đó dẫn tới sự lúng túng, chậm trễ trong việc tổng hợp, xây dựng kế hoạch; tiến độ thực hiện các nội dung của Chương trình còn chậm.

+ Các cơ quan Trung ương chậm ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện; một số văn bản hướng dẫn chưa rõ ràng, thiếu đồng bộ giữa các văn bản của các Bộ ngành. Nhiều vướng mắc trong thực hiện các nội dung của Chương trình đến nay chưa được các Bộ ngành Trung ương hướng dẫn cụ thể hoặc sửa đổi các văn bản quy định để thực hiện.

+ Hiện nay một số cơ chế, chính sách thuộc các dự án vẫn chưa được Trung ương ban hành để triển khai thực hiện như: Cơ chế đặc thù thực hiện hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình (*hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất*) và không theo dự án đầu tư của Dự án 1; cơ chế quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển để đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý của dự án 3; quy định hình thức cho vay, định mức cho vay, thời gian cho vay và lãi suất vay đối với nội dung hỗ trợ cho các hộ dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn của dự án 9; nội dung đầu tư thực hiện chuyển đổi số trong thực hiện Chương trình và nội dung “Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự” của Tiểu dự án 2, dự án 10.

+ Tài liệu bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo, nâng cao năng lực cộng đồng và cán bộ thực hiện Chương trình các cấp thuộc Dự án 5 chưa được Ủy ban Dân tộc ban hành.

+ Nguồn vốn sự nghiệp của Chương trình giai đoạn 2021-2025 chưa được Trung ương thông báo cho tỉnh nên gặp nhiều khó khăn trong việc xây dựng kế hoạch sử dụng vốn sự nghiệp thực hiện chương trình cả giai đoạn,

nhất là việc lựa chọn, xác định các dự án thực hiện có thời gian thực hiện trong nhiều năm.

- Một số Sở, ngành được giao nhiệm vụ chủ trì các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình nhưng chưa thực hiện nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, hướng dẫn thực hiện và tổng hợp kết quả thực hiện chung của Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thành phần theo quy định tại Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 và Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 29/01/2023 của UBND tỉnh mà chỉ theo dõi, báo cáo đối với phần nhiệm vụ được UBND tỉnh giao vốn cho đơn vị mình trực tiếp thực hiện.

+ UBND các huyện thực hiện Chương trình còn gặp nhiều lúng túng trong việc nghiên cứu, áp dụng triển khai thực hiện các văn bản hướng dẫn của Trung ương và tỉnh; chưa có giải pháp để đổi mới cách làm nhằm nâng cao hiệu quả của Chương trình. Trong năm 2022, hầu hết các huyện chưa bố trí vốn đối ứng từ ngân sách huyện để thực hiện Chương trình.

Phần thứ hai

ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2023-2025 VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

I. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2023-2025

1. Tiếp tục tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 04/4/2022 về công tác dân tộc; Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh.

2. Tiếp tục tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến 2025 đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Chương trình và giải ngân hoàn thành 100% kế hoạch vốn được giao thực hiện, cụ thể tập trung các nội dung sau:

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, nhất là cán bộ cấp cơ sở và người dân ở vùng ĐB DTTS và MN, nhất là đồng bào DTTS nghèo trong việc triển khai, tổ chức thực hiện Chương trình nhằm thực hiện đạt được các mục tiêu của Kế hoạch đề ra; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc, cán bộ làm công tác giảm nghèo ở cấp huyện, xã; trong đó cần chú trọng tập huấn các văn bản mới để đảm bảo cán bộ có đủ năng lực lãnh đạo, tổ chức thực hiện Chương trình. Tập huấn, nâng cao năng lực cho cộng đồng trong việc áp dụng kiến thức mới, kỹ thuật mới trong phát triển sản xuất phù hợp với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng đặc biệt khó khăn.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thành phần thuộc Chương trình; trong đó chú trọng đến việc các vấn đề cần thiết, bức xúc, nâng cao thu nhập cho người dân như hỗ trợ các dự án phát triển sản

xuất theo chuỗi giá trị do các tổ chức kinh tế và người dân trong vùng cùng tham gia thực hiện...; cần có phương pháp mới, cách làm mới trong việc hỗ trợ thực hiện các dự án phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương.

- Tiếp tục tham mưu UBND tỉnh giải quyết hoặc kiến nghị các Bộ ngành Trung ương hướng dẫn, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thành phần thuộc Chương trình trên địa bàn tỉnh.

- Đánh giá, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 phù hợp với thực tiễn.

- Các sở, ban ngành, hội đoàn thể tỉnh tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ cập nhật các văn bản hướng dẫn của các Bộ ngành chủ quản, chủ động ban hành (*hoặc tham mưu UBND tỉnh ban hành*) các văn bản hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện các nội dung do cơ quan mình chủ trì, quản lý; triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh về tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp huy động vốn đảm bảo thực hiện Chương trình theo Kế hoạch này và Kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 08/8/2022. Tăng cường vận động các nguồn lực ngoài ngân sách, các doanh nghiệp tham gia vào các dự án hỗ trợ, đầu tư của chương trình; sử dụng có hiệu quả nguồn vốn tín dụng chính sách. Lồng ghép việc thực hiện các Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và các chương trình, dự án, chính sách phát triển kinh tế - xã hội khác.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát và đôn đốc việc tổ chức thực hiện tại cơ sở; kịp thời giải quyết hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền giải quyết các vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình; phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào DTTS, vai trò giám sát của cộng đồng trong việc thực hiện Chương trình; tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền kết quả thực hiện Chương trình theo quy định.

II. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Để triển khai thực hiện thuận lợi các nhiệm vụ của Chương trình, Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi đề xuất, kiến nghị một số nội dung sau:

1. Kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Tham mưu Chính phủ thông báo kế hoạch vốn sự nghiệp giai đoạn 2021 – 2025 cho các địa phương để chủ động trong việc xây dựng kế hoạch thực hiện các nội dung của Chương trình, nhất là các nội dung hỗ trợ thực

hiện các dự án có chu kỳ hỗ trợ dài như hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị và dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý.

- Trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 27/2022/NĐ-CP, trong đó bổ sung một số cơ chế gồm: (1) Quy định cơ chế đặc thù thực hiện hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình và không theo dự án đầu tư được quy định tại Quyết định số 04/2023/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ; (2) Quy định cơ chế đặc thù quản lý thực hiện nguồn vốn đầu tư của dự án dược liệu quý theo Quyết định 1719/QĐ-TTg hoặc quy định cho phép áp dụng cơ chế hỗ trợ tại Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn đối với dự án này.

2. Kính đề nghị Bộ Y tế:

Tại Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ và tại điểm d khoản 3 Điều 12 Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22/9/2022 của Bộ Y tế quy định: “Hỗ trợ kinh phí đầu tư để cải tạo xây dựng cơ sở chế biến dược liệu quý để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện nước, nhà xưởng và mua trang thiết bị trong hàng rào dự án”. Tuy nhiên, hiện nay các dự án này chưa có cơ sở chế biến dược liệu quý theo quy định của Chương trình nên không thể thực hiện đầu tư để cải tạo xây dựng cơ sở chế biến dược liệu quý mà chủ yếu là đầu tư, xây dựng mới cơ sở chế biến dược liệu quý. Vì vậy, kính đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung “Hỗ trợ kinh phí đầu tư, cải tạo xây dựng cơ sở chế biến dược liệu quý để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện nước, nhà xưởng và mua trang thiết bị trong hàng rào dự án” vào Quyết định 1719/QĐ-TTg và Thông tư số 10/2022/TT-BYT để thực hiện.

3. Kính đề nghị Ủy ban Dân tộc:

- Tại nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị quy định tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg chỉ quy định hỗ trợ nguyên liệu, giống cây, con, vật tư kỹ thuật; không quy định hỗ trợ trang thiết bị, máy móc, dụng cụ sản xuất nên khó khăn cho việc triển khai thực hiện các dự án sản xuất theo chuỗi bổ sung nội dung hỗ trợ trang thiết bị, máy móc, dụng cụ sản xuất đối với các dự án sản xuất theo chuỗi giá trị vào Quyết định số 1719/QĐ-TTg hoặc cho áp dụng Thông tư 53/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Chương trình nông thôn mới (cho phép áp dụng cơ chế hỗ trợ cho HTX (*trong chuỗi*) theo Nghị định 58/2018/NĐ-CP về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp đối với các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình.

- Ban hành tài bộ tài liệu bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo, nâng cao năng lực cộng đồng và cán bộ thực hiện Chương trình thuộc Tiểu dự án 2 và Tiểu dự án 4, Dự án 5.

- Đối tượng thực hiện Nội dung Đào tạo đại học và sau đại học bị thu hẹp do quy định tại khoản 2 Điều 47 Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày

30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc chỉ quy định đối tượng là sinh viên học tại các cơ sở giáo dục đại học được tiếp nhận sau khi hoàn thành chương trình dự bị đại học; hiện nay, đối học sinh học dự bị đại học trên địa bàn tỉnh rất ít nên gặp rất nhiều khó khăn trong việc triển khai thực hiện và giải ngân vốn. Kính đề nghị điều chỉnh đối tượng thụ hưởng trong Thông tư 02/2022/TT-UBND phù hợp với đối tượng quy định trong Quyết định số 1719/QĐ-TTg.

- Ban hành văn bản quy định hình thức cho vay, định mức cho vay, thời gian cho vay và lãi suất vay đối với nội dung hỗ trợ cho các hộ dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn.

- Tại Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính không quy định việc “đón tiếp” các đoàn đại biểu người có uy tín trong đồng bào DTTS, kính đề nghị UBND hướng dẫn thực hiện nội dung này cho phù hợp với quy định tại Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 03/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

- Hướng dẫn cụ thể nội dung chuyển đổi số thực hiện Chương trình thuộc Tiêu dự án 2, Dự án 10 để các địa phương thực hiện phù hợp, đồng bộ với Đề án do Ủy ban Dân tộc đang xây dựng nhằm nâng cao hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện Chương trình với các cơ quan Trung ương. Đề nghị Ủy ban Dân tộc sớm hoàn thành phần mềm báo cáo Chương trình để triển khai thực hiện.

- Ngày 29/3/2023, Bộ Tài chính có văn bản số 2807/BTC-HCSN trả lời vướng mắc trong thực hiện Chương trình có nêu về việc sử dụng nguồn kinh phí Tiêu dự án 3 - Dự án 10 để chi cho các hoạt động liên quan đến quản lý Chương trình nhưng chưa được quy định tại Quyết định 1719 /QĐ-TTg, vì vậy kinh phí quả lú thực hiện từ nguồn kinh phí tự chủ của cơ quan thực hiện. Tuy nhiên, hiện nay biên chế của Ban Dân tộc tỉnh rất ít (khoảng trên dưới 20 người) nên rất khó khăn trong thực hiện. Bổ sung quy định nội dung quản lý thực hiện Chương trình vào Tiêu dự án 3, Dự án 10 tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg hoặc có văn bản đề nghị Bộ Tài chính sớm ban hành văn bản hướng dẫn và quy định kinh phí chi cho các hoạt động: Hội nghị, Hội thảo, chi mua sắm trang thiết bị, văn phòng phẩm phục vụ Chương trình do ngân sách địa phương bố trí trong dự toán hằng năm cho cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ.

4. Kính đề nghị Bộ Tài chính:

- Tại điểm a, khoản 5, Điều 14, Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/03/2022 của Bộ Tài Chính quy định: “Chi tổ chức các hoạt động xúc tiến, thu hút đầu tư, kết nối tiêu thụ sản phẩm, các phiên chợ văn hóa, hội chợ, giao lưu, diễn đàn, các lễ hội gắn thương mại với du lịch: Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư này và thực tế phát sinh theo các hóa đơn, chứng từ hợp pháp”; tuy nhiên, đối chiếu tại Điều 4 của Thông tư này không quy định rõ các hoạt động xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư và các mức chi cho các hoạt động này. Kính đề nghị Bộ hướng dẫn rõ nội dung và mức chi cho các hoạt

động xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư; hướng dẫn thủ tục thanh, quyết toán nguồn kinh phí hỗ trợ xây dựng mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh.

- Tại Điều 11, Điều 13 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/03/2022 của Bộ Tài Chính không quy định nội dung chi và mức chi cho hoạt động quản lý dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị và dự án hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý nên các cơ quan quản lý các dự án này không có kinh phí để thực hiện (nhất là chi cho các hoạt động thẩm định dự án). Kính đề nghị Bộ bổ sung nội dung chi và mức chi cho hoạt động quản lý.

5.. Kính đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông: Hướng dẫn thực hiện nội dung “Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự” của Tiêu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc Dự án 10.

Ban Dân tộc tỉnh báo cáo quý Sở để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở KH&ĐT;
- Lãnh đạo Ban;
- Các Phòng thuộc Ban;
- Lưu: VT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Thế Nhân